TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2018/QĐST - DS	*Phú Hòa, ngày 10 tháng* 7 *năm* 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 3 năm 2018

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Phan Đình B, sinh năm 1950

Địa chỉ: 01 Phạm H, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- **Bị đơn:** Phan Ngọc C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Phan Thị H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 19 Nguyễn Công T, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên

+ Phan Thị Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Phú Yên

+ Phan Thị T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khu Phố 2, phường P, Thành phố T, tỉnh Phú Yên

+ Phan Thị L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn H, xã X, Thị xã C, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H, bà Đ, bà T, bà L: Ông Phan Đình B, sinh năm 1959. Địa chỉ: 01 Phạm Hồng T, phường 2, Thành phố H, tỉnh Phú Yên.

+ Võ Thị P, sinh năm 1947;

+ Phan Thị T, sinh năm 1969;

+ Phan Đình T, sinh năm 1971;

+ Phan Đình T, sinh năm 1973;

+ Phan Tấn Ti, sinh năm 1975;

+ Phan Thị T, sinh năm 1977

+ Phan Đình T, sinh năm 1983;

+ Phan Võ Thị T, sinh năm 1989;

+ Phan Ngọc Sơn C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đông Nai;

+ Nguyễn Thị G, sinh năm 1964;

+ Phan Ngọc C, sinh năm 1989;

+ Phan Ngọc Cẩm C, sinh năm 1991;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông C, , bà C: Ông Phan Ngọc C, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

* Ông Phan Đình B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 200 m^2, thửa đất 07, tờ bản đồ 303 B, có vị trí như sau:

Phía Đông giáp đất ông Lê C; Phía Tây giáp đất hộ ông Phan Ngọc C; Phía Nam giáp đất hộ ông Phan Đình T;Phía Bắc giáp đường đi liên thôn. (có bản vẽ kèm theo). Tọa lac: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

* Hộ ông Phan Ngọc C được quyền sử dụng đất 404m^2, thửa đất 07, tờ bản đồ 303 B có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất hộ ông Phan Đình T và Phan Đình B; Phía Tây giáp đất của ba hộ ông N, ông T và phần đất trống giữa đất ông N và ông T; Phía Nam giáp đường đi liên thôn; Phía Bắc giáp đường đi liên thôn. (có bản vẽ kèm theo). Tọa lac: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đối với phần di sản còn lại, các đương sự không yêu cầu, tranh chấp gì.

2/ Ông Phan Đình B có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Ngọc C số tiền 13.765.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) về giá trị của các cây cối gắn liền trên đất và công sức nâng nền. Thời hạn thanh toán là 30 ngày, tính từ ngày 28/6/2018

Ông Phan Đình B được quyền sở hữu đối với cây ăn trái ngắn ngày: 06 cây chuối có trái, 110 cây chuối chưa có trái; Cây lâu năm: 02 cây dừa, 01 cây xoài có trái, 01 cây cam chưa có trái gắn liền trên diện tích đất của ông Bình.

3/ Về chi phí định giá tài sản:

Ông Phan Đình B tự nguyện chịu 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) (Đã nộp đủ).

4/ Về án phí:

+ Ông Phan Đình B tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng 300.000 đồng nên hoàn lại cho ông B số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007924 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Phan Ngọc C tự nguyện chịu 344.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Hưng